

Hòa giải ở nông thôn miền Bắc Việt Nam (Giả thuyết dành cho một cuộc nghiên cứu)

BÙI QUANG DŨNG

Mâu thuẫn và hòa giải trong bối cảnh Việt Nam là một chủ đề quan trọng. Nhiều tác giả nước ngoài đã viết về chủ đề này và phần lớn bàn tới xã hội nông thôn (Robert Samson 1967, James Scott 1976, Samuel Popkin 1979...).

Giới nghiên cứu ở Việt Nam, do rất nhiều lý do cho tới nay mới chỉ có các nhà dân tộc học quan tâm đến chủ đề, và chủ yếu đề cập đến xã hội truyền thống trước 1954. Các nhà nghiên cứu này cung cấp nhiều hiểu biết lý thú về những khía cạnh khác nhau của đời sống Việt Nam truyền thống: xích mích trong quan hệ thân tộc và gia đình, mâu thuẫn giữa bộ máy quyền lực ở địa phương và nông dân, bất đồng giữa các thế hệ khác nhau (Nguyễn Văn Huyền 1940, Trần Từ 1979).

Trong sự nghiệp "Đổi mới" ở Việt Nam hiện nay, mâu thuẫn cũng như những khía cạnh khác nhau của quá trình dân chủ tại cơ sở bắt đầu được đề cập rộng rãi trên báo chí, đặc biệt là từ năm 1998, với nghị quyết của Đảng ta về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Mặc dù đã được nói nhiều trên báo chí nhưng cho đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu hệ thống nào về chủ đề mâu thuẫn, đặc biệt là về các thể chế hòa giải. Bài này là tóm lược của một nghiên cứu định tính tiến hành tại một xã vùng Trung du miền Bắc, nhằm bổ sung bước đầu vào các hiểu biết chung về vấn đề mâu thuẫn và các biện pháp giải quyết mâu thuẫn ở Việt Nam. Trong giới hạn của một nghiên cứu sơ bộ, việc phân tích dữ liệu mới chỉ cho phép hình dung các vấn đề và phát triển một vài giả thuyết làm việc.¹

1. Nhóm sơ cấp

Phương thức tổ chức kinh tế nông dân tạo nên một kiểu gia đình hạt nhân, với tư cách là đơn vị sản xuất và ăn ở. Tuy nhiên, hạt nhân hóa gia đình không kéo theo việc xóa bỏ hoàn toàn mọi chức năng xã hội của gia đình mở rộng. Bà con họ hàng, thường ở ngay trong cùng một làng, là một nhóm tham chiếu vững chắc về mặt tình cảm, đồng thời cũng là một trong những nơi nhận diện xã hội được người ta ưu tiên nhất, do có cùng một nguồn gốc tổ tiên. Hơn nữa, gia đình mở rộng là một đòi hỏi rất mạnh về kiểm soát xã hội, đặc biệt là ở người trưởng họ.

Các nhóm sơ cấp giữ vai trò nhất định đối với việc giải quyết các mâu thuẫn. Hình thức phổ biến để giải quyết xích mích là tổ chức các cuộc họp gia đình. Trong

¹ Bên cạnh việc phân tích các tài liệu thứ cấp, nhóm nghiên cứu còn tiến hành một cuộc nghiên cứu sơ bộ vào tháng 11/2000 tại một xã vùng Trung du của tỉnh Vĩnh Phúc. Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn 25 hộ gia đình, và 13 cán bộ theo một số chủ đề đã được thảo sẵn. Các cuộc trao đổi với hộ gia đình và phỏng vấn cán bộ đều được ghi chép dùng làm cơ sở cho việc phân tích. Ngoài ra, việc tiếp xúc và quan sát tại hộ gia đình, tham gia các buổi họp dân cũng đem lại những thông tin hữu ích.

các cuộc họp như vậy, người ta mời hầu hết thành viên trong gia đình tới, kể cả các con trai đã ra ở riêng và vợ anh ta (con dâu). Điểm quan trọng là tại các cuộc họp ấy, bao giờ cũng cần có mặt bố và mẹ. Thậm chí người bố là nhân vật bắt buộc, nếu trường hợp bố mất nhưng vẫn còn mẹ thì người ta sẽ mời một ông bác hoặc ông chú; tóm lại, bao giờ cũng cần tới sự có mặt của một người đàn ông có tuổi, người đàn ông này sẽ nắm vai trò "chủ tọa" trong cuộc họp gia đình.

Khi họp gia đình, mọi người đều phát biểu ý kiến, đương sự cũng được nói ý kiến của mình. Người ta sẽ căn cứ vào ý kiến được đa số tán thành để coi như là "nghị quyết" của cuộc họp. Nhìn chung, các xích mích trong gia đình, hay trong họ, nếu thuộc phạm vi tình cảm, hay nếu liên quan tới việc chia gia tài và mức độ những tranh chấp không lớn thì tác dụng của áp lực quan hệ thân thuộc khá lớn và có thể giải quyết được xích mích. Thực chất của các cuộc họp gia đình là tạo ra cái mà ta có thể gọi là "sức ép nhóm" đối với cá nhân. Sức ép nhóm như thế phản ánh một vị thế đặc biệt của cá nhân trong gia đình. Lời một người chủ hộ tại xã nghiên cứu:

"Bao giờ cũng thế, nếu chỉ có bố mẹ hay ông bác nói thôi thì ít khi đứa con nào chịu nghe, nhưng nếu nhiều người nói thì nó sẽ phải hiểu ra." (Nam giới, làm ruộng, 47 tuổi)

Như vậy cá nhân hành động theo sự trông đợi của tập thể, hành động của anh ta bị ràng buộc bởi sự tán thành của nhóm, trong điều kiện xã hội nghiêm ngặt ấy, ít có chỗ dành cho sự thể hiện của lợi ích cá nhân.

Một nông dân kể cho chúng tôi nghe về hoạt động của tổ chức họ như sau: trong họ ông ta có một cụ bị mù, con cái không có. Bà con trong họ vận động mỗi người giúp đỡ cho ba chục, năm chục, nếu ai khá thì giúp đỡ một trăm nghìn, rồi làm một cái quỹ, đem gửi tiết kiệm giúp cho cụ. Tại các thôn xóm khác cũng như thế. Thôn nào, họ nào cũng có những người làm ăn khá khá giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh thật sự khó khăn. Đây là sự giúp đỡ về vật chất, còn về tinh thần thì gặp những trường hợp ai bị con ngược đãi thì ông trưởng họ đến góp ý, cũng có thay đổi. Tóm lại là từ đời sống kinh tế, tình cảm trong họ, từ cái vui đến cái buồn, cho đến xây dựng nếp sống văn hóa mới, ông trưởng họ đều phải có mặt. Bất cứ trường hợp nào ở thôn xóm, ông ấy đều phải tham gia, trước hết là công tác của tổ hòa giải, sau đó là đến các họ.

Có hai người thuộc hai họ cãi nhau vì người này nghi người kia ăn cắp gà nhà mình. Cãi nhau mãi sinh to chuyện, họ lôi cả chuyện gia đình, họ hàng ra, mắng nhau là "cả họ nhà mày ăn cắp". Chẳng ai nghe ai, cuối cùng phải mời trưởng họ tới, hai ông trưởng họ này thì một ông tham gia chính quyền, ông kia lại là người có tuổi, hai ông thu xếp với nhau mới yên chuyện.

Cần có thêm một số nhận xét về nhân vật trưởng họ. Như đã nói, nhân vật này dựa trên một thứ tôn ti của quan hệ huyết thống, theo đó thì người trưởng họ tất phải thuộc về chi thứ nhất, ít nhất cũng thuộc diện "đàn anh" trong họ. Tuy nhiên, không phải chỉ có như thế mà người trưởng họ có thể đóng vai trò của mình một cách hữu hiệu. Quan hệ thân thuộc trong nhiều trường hợp được bổ xung thêm bằng những kinh nghiệm làm việc lâu năm ở cương vị quản lý, sự tham gia chính trị. Tại điểm điều tra, nông dân vẫn cấp cho tuổi tác một thứ uy tín xã hội nhất định, người ta cho rằng nhân vật trưởng họ chỉ có uy tín thực sự, và do đó có thể làm tốt công việc hòa giải, nếu đó là một người có tuổi.

2. Tổ hòa giải

Rất ít trường hợp khi có xích mích, hai bên đương sự tự thu xếp được với nhau mà không cần tới hòa giải. Trẻ con hai gia đình đi chăn trâu ngoài đồng sinh chuyện, đánh nhau, hai bà mẹ cũng vì thế cãi nhau. Hai chị em dâu ghen tức nhau sinh học hặc với nhau và họ kéo theo cả hai anh em trai (chồng) vào cuộc. Hai gia đình ruộng đất kề bên cạnh nhau, ông này đang bỏ phân ruộng mình, ông kia không biết (hay cố tình không biết) tháo nước vào ruộng, phân trôi đi hết, thế là sinh mâu thuẫn. Những xích mích như vậy không ai chịu ai cả, nhất là những cuộc cãi lộn của đàn bà và trẻ con. Và cũng hiếm khi hai ông chồng có thể đóng vai nhân vật thứ ba để giải quyết mà thường phải nhờ đến tổ hòa giải.

Tổ hòa giải thôn gồm các thành phần sau đây: đại diện cho chi hội phụ nữ, hội người cao tuổi, hội cựu chiến binh, hội nông dân. Công tác hòa giải thường bắt đầu bằng việc gặp gỡ đương sự và hàng xóm láng giềng để tìm hiểu tình hình. Việc này không mất nhiều thời gian vì trong xóm, trong làng mọi người biết nhau cả. Khi đã nắm vững "vấn đề" rồi, tổ hòa giải họp nhau lại bàn cách nào tốt nhất để giải quyết. Một phương án được thảo luận kỹ càng, rồi trong tổ phân công người nào khéo ăn nói đến nhà đương sự để thuyết phục, nhiều khi có thể đi chung. Lúc có được sự thỏa thuận của từng bên thì cho hai bên tiếp xúc với nhau để chính thức hòa giải.

Tổ hòa giải có nhiệm vụ giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong các quan hệ gia đình và thôn xóm bằng cách thuyết phục, giải thích. Phương thức giải quyết như thế nên sự am hiểu và khả năng cảm thông của cán bộ là điểm then chốt đảm bảo cho công tác hòa giải thành công. Nông dân đánh giá cao vai trò cán bộ hội phụ nữ trong công tác hòa giải. Trong hầu hết các cuộc trao đổi của chúng tôi trên thực địa, những người được hỏi đều cho rằng chị em hội phụ nữ giải quyết tốt các xích mích ở cơ sở. Khả năng cảm thông, sự kiên nhẫn của người phụ nữ trước các tình huống mâu thuẫn được coi là nguyên nhân chủ yếu khiến cho họ làm tốt công tác hòa giải.

Phụ nữ kiên nhẫn hơn đàn ông, các bà chịu nghe người ta trình bày còn đàn ông thì không. Các ông áy hời tỵ thì dọa đưa ra chính quyền. Đi hòa giải mà lại nói thế thì còn nói gì nữa! (Nam giới, làm ruộng, 54 tuổi)

Trường hợp mâu thuẫn, xích mích không giải quyết được ở thôn phải đưa lên xã cũng phải tiến hành hòa giải đã, công việc này do ban hòa giải xã chịu trách nhiệm. Trưởng ban tư pháp xã phụ trách ban hòa giải và thành phần gồm đại diện của các tổ chức chính trị xã hội xã: hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh. Về cơ bản công tác hòa giải tại xã cũng như thôn đều theo một xu hướng chung là cố gắng thu xếp êm thấm, tránh dẫn tới những quyết định hành chính. Trong những trường hợp cực hạn mà sự thuyết phục không có kết quả thì mới chuyển sang chính quyền giải quyết, đến đây những quan hệ tình cảm mới bắt đầu nhường chỗ cho các quan hệ hành chính.

3. Quy ước

Trong xã hội cổ truyền, các tập quán làng mạc thường được quy thành văn bản gọi là hương ước (hay còn gọi là "lệ làng"). Dù không phải là một bộ luật, hương ước, với những điều quy định về một số nét sinh hoạt riêng biệt của làng xã, vẫn đóng vai trò một "cương lĩnh", có thể còn khá chung chung, nhưng vẫn là một cương

lĩnh về nếp sống hàng ngày của làng xã mà các cá nhân và tổ chức phải tuân thủ.²

Bản dự thảo quy ước của xã nói tiến hành cuộc nghiên cứu cũng nhằm một chức năng tương tự. Người ta đọc thấy 5 khoản trong đó, khoản thứ nhất là những quy định về việc cưới, khoản này gồm 11 mục quy định các nguyên tắc cưới xin. Khoản thứ hai quy định về việc tang gồm 9 mục, khoản thứ ba quy định việc mừng thọ gồm 5 mục, khoản thứ tư quy định việc tổ chức lễ hội gồm 7 mục. Khoản cuối cùng quy định về việc tổ chức sinh nhật, mừng đầy tháng con, động thổ, khai móng, khánh thành nhà... Tổng cộng cả bản quy ước là 28 mục. Quy ước của các thôn về đại thể tương tự như bản quy ước của xã, nghĩa là nó cũng đầy đủ nội dung về các việc cưới, tang lễ, mừng thọ và tổ chức lễ hội. Chúng tôi trích dẫn lại một số điều khoản trong bản dự thảo quy ước của xã này:

a) Việc cưới xin:

- ...Việc tổ chức lễ cưới do đoàn thanh niên đứng ra tổ chức đúng theo nghi lễ lịch sự, vui vẻ và tiết kiệm.

- Tổ chức đám cưới gọn nhẹ, chỉ làm trong 1 ngày rưỡi, không kéo dài 2-3 ngày, chiều hôm trước bắc rạp kê bàn ghế, ngày thứ hai đón dâu, tổ chức báo hỉ và kết thúc vào buổi chiều, không tổ chức lễ lại mặt.

- Không đưa dâu từ tối hôm trước đến hết ngày hôm sau, nhà trai đi đón dâu không ngủ lại nhà gái, nhà gái đi đưa dâu không ngủ lại nhà trai.

- Không làm cỗ linh đình mời làng, mời khách tràn lan gây lãng phí, chỉ làm một số mâm mời họ hàng nội ngoại, bạn bè thân thích, xóa bỏ tình trạng trả nợ miệng.

- Không lấy vợ lấy chồng tảo hôn, thực hiện đúng luật hôn nhân và gia đình. Nam tròn 20, nữ tròn 18 tuổi.

- Không thuê thợ quay video, không chụp ảnh quá nhiều mà chỉ chụp một vài kiểu trong lúc tổ chức để làm kỷ niệm.

b) Việc tang:

- Chính quyền khu vực đứng ra lo việc tang lễ, an táng đúng nghi thức văn minh lành mạnh, tôn trọng người quá cố.

- Không làm cỗ linh đình, mời khách, mời dân làng trong tang lễ.

² Đọc kỹ từng điều khoản của một bản hương ước cụ thể, chúng ta chỉ có thể lọc ra các dữ kiện về những biện pháp nhằm khen thưởng hay trừng phạt từng cá nhân có công hay có tội. Đối với người bị bắt quả tang đang trộm cắp vật chẳng hạn, làng xã được đại diện chủ yếu bởi bộ phận lý dịch "phạt vạ" anh ta. Sau đây là một số điểm chung mà ta có thể gặp ở bất kỳ bản hương ước nào:

- 1- Những trường hợp thưởng công
- 2- Những trường hợp phạt tội, thường là các tội nhẹ là pháp lý của nhà nước quân chủ chính thức không trực tiếp giải quyết (trộm cắp vật, ấu dả thông thường, chữa hoang, bắt kính đối với bề trên...);
- 3- Những trường hợp đền bù cho người đã vì quyền lợi chung của cả làng mà chịu hy sinh (ví như bị thương, hay bỏ mình trong khi chống lại quân cướp);
- 4- Những trường hợp suy tôn người đã bỏ của, bỏ sức, để làm việc ích chung cho cả làng (ví như tu bổ chùa làng, xây cầu, đắp cống);
- 5- Những trường hợp cấm đoán, hoặc nhằm bảo vệ an ninh (ví như cấm chứa người lạ), hoặc nhằm bảo vệ đạo lý (ví như cấm cờ bạc, trai gái).

Có thể thêm vào đó nhiều điểm khác, đặc biệt là những quy định và các khoản đảm phụ bằng tiền hay hiện vật phải nộp cho làng nhân dịp cưới. Và chính những điểm này mới khiến ta liên tưởng nhiều nhất đến tập quán pháp truyền miệng, ví như điều khoản quy định số gạch, dùng để lát đường làng, mà người trai đi hỏi vợ phải nộp cho làng (Trần Tử: *Cơ cấu làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội-1979).

- Khi có người qua đời, thực hiện sống chết có nhận diện làng xóm đến dự lễ truy điệu, lễ đưa tang, lễ an táng sau đó về nhà không quay lại nhà chủ uống rượu.

- Việc cúng giỗ 3 ngày, 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu phải gọn nhẹ tiết kiệm, chỉ mời những người trong gia đình, nội tộc, không mời khách tràn lan."

(Nguồn: Tư liệu điền dã, Viện Xã hội học, tháng 11/2000)

Dễ hiểu là các khoản mục này tuyên truyền cho "lối sống mới", nhằm điều chỉnh hành vi của người dân liên quan tới các lễ nghi ma chay, cưới xin. Chúng ta biết rằng một văn bản chính thức của nhà nước cũng quy định mục đích xây dựng các quy ước nhằm giữ gìn và phát huy thuần phong mỹ tục, xoá bỏ hủ tục, phát huy tình làng nghĩa xóm, tương thân tương ái hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.³ Cũng văn bản này quy định rằng các dự thảo hương ước và quy ước phải được dân trên địa bàn thảo luận, được hội nghị cử tri hoặc hội nghị đại biểu hộ gia đình thông qua và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi thi hành.

4. Chính quyền

Người đại diện cho chính quyền ở thôn là thôn trưởng. Trưởng thôn là nhân vật được bầu bởi hội nghị toàn thể dân trong thôn, anh ta là người do chi bộ Đảng của thôn giới thiệu (tại hai thôn khác của xã này cũng như ở một số địa phương khác, nhân vật này có thể tự ứng cử). Trưởng thôn quản lý khu vực tương đương với làng cũ hay là đội sản xuất trước kia, nhưng về chức năng thì nhiều việc hơn. Người đội trưởng trong thời kỳ hợp tác hoá nông nghiệp chỉ cai quản thôn về mặt kinh tế, phân công nhân lực làm việc theo một kế hoạch vạch sẵn, đốc thúc đi làm đúng giờ, tính toán công điểm và tới vụ thu hoạch thì phân phối sản phẩm. Nhiệm vụ của nhân vật trưởng thôn phức tạp hơn nhiều, anh ta làm hết tất cả các công việc của một nhân vật quản lý hành chính, xã hội, kinh tế nữa. Bộ máy thôn ngoài trưởng thôn còn công an là cán bộ coi về việc an ninh và bí thư chi bộ Đảng của thôn.

Trong thôn có người mất gia súc hay bị trộm vặt cây cối hoa màu thì nhân vật mà đương sự nhờ tới giải quyết là trưởng thôn. Một đoạn rào giữa hai nhà hàng xóm đang tranh chấp cũng phải mời trưởng thôn tới giải quyết. Hai nhà nọ tranh nhau một miếng đất gần lối đi chung, không ai chịu ai sinh cãi nhau thì lại phải phiên tới trưởng thôn. Nhiều trường hợp trưởng thôn chủ động tới nơi xảy ra việc cãi cọ chứ không đợi người ta phải mời và cung cách giải quyết sự việc bao giờ cũng nặng về thuyết phục, giải thích để hai bên thu xếp với nhau cho "có lý, có tình". Ông ta thường tham khảo ý kiến của mấy nhân vật đại diện cho các đoàn thể ở thôn, thậm chí khi mà sự việc đòi hỏi thì mời luôn mấy vị này tham gia công tác hòa giải (tại những nơi khác trưởng thôn thường là thành viên ban hòa giải thôn).

"Trưởng thôn rất quan trọng, kể cả việc nhỏ lẫn việc lớn. Ví dụ, bà nọ mất con gà cứ sáng ra là bà ta chửi bâng quơ làm mất trật tự làng xóm, lúc này chỉ có ông trưởng thôn ra nói mới được". (Nữ giới, làm ruộng, 49 tuổi)

Việc tập trung các hoạt động xã hội ở cấp độ thôn làm cho nó có được một tính cố kết rất chặt chẽ. Đừng quên rằng đó là một làng cũ, là đơn vị nơi ở, hơn nữa lại là nơi tập trung một bộ phận lớn bà con họ hàng. Ngày nay ở điểm nghiên cứu cũng như

³ Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg, ngày 19/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

tại các làng xã khác của miền Bắc, thôn là đơn vị cơ sở của tổ chức xã hội. Có mâu thuẫn cãi nhau, nếu ông trưởng thôn dọa một câu là ông bà còn to tiếng xin mời lên gặp Ủy ban là mọi người đều im. "Đưa nhau ra chính quyền" có nghĩa là ra khỏi cái khuôn khổ quen thuộc của "tình làng, nghĩa xóm", nơi mà người ta có thể "chín bỏ làm mười" cho nhau. Mọi người không thích phải dẫn ra pháp luật, chẳng ai muốn liên lụy tới pháp luật cả. Khái niệm "chính quyền" trong ý thức nông dân bắt đầu cho một không gian xã hội khác, nơi người ta không mấy quen thuộc và rất sợ bị mất thể diện.

Chúng nó sống với nhau không tốt, con bé thì có tính ương, thẳng chông lại cục, còn hay uống rượu nữa. Thế là dân tôi xô sát, cãi cọ nhau. Nó về khóc với tôi đòi bỏ chông, tôi bảo: lý dị là phải đưa ra chính quyền thì bố mẹ xấu hổ lắm... (Nữ giới, làm ruộng, 59 tuổi).

Người nông dân thích mọi chuyện êm thấm trong nội bộ làng của họ, đây cũng là ứng xử quen thuộc của xã hội truyền thống trước năm 1954.⁴ Tuy thế, nếu như họ không muốn những mâu thuẫn, xích mích căng lên, "bé xé ra to", và thường thích giải quyết nội bộ (trong gia đình, giữa hai bên, ở tổ hòa giải...), thì mặt khác, có những trường hợp mâu thuẫn nhất thiết phải nhờ đến sự giải quyết của chính quyền. Đây thường là những tranh chấp lớn liên quan tới đất đai hoặc những trường hợp lý hôn mà việc giải quyết thường phải viện dẫn tới một số khuôn khổ pháp lý mà các tổ chức cơ sở không có.

5. Một vài nhận xét

Mâu thuẫn xuất hiện trong đời sống làng mạc với những lý do và trong những tình huống hết sức khác nhau. Tương tự, các thể chế và biện pháp giải quyết mâu thuẫn cũng khá đa dạng. Nghiên cứu phát hiện rằng người nông dân hiện nay, tương tự như những truyền thống trước năm 1954, vẫn mong muốn giải quyết êm thấm các xích mích, mâu thuẫn trong phạm vi gia đình, họ hàng, làng của họ. Các biện pháp *tình cảm* được ưu tiên và chỉ trong những trường hợp cực hạn người ta mới buộc phải dùng tới những biện pháp *pháp lý*. *Hòa giải* có thể coi là xu hướng cơ bản trong việc giải quyết các mâu thuẫn, xích mích. Gắn liền với sự kiện này là tính chất giới hạn của cái khung nhận diện xã hội của nông dân.

Sự kiện này hình như có nhiều ý nghĩa hơn là điều mà người ta có thể thoát nghĩ, nhất là khi nối liền nó với việc xây dựng Hương ước và quy ước tại các đơn vị cơ sở trong nông thôn. Công tác xây dựng Hương ước và quy ước nhằm mục đích thắt chặt tình làng nghĩa xóm, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng, theo một tinh thần tương tự cũng có thể nói rằng đó là để nâng cao *năng lực tự quản* của các đơn vị cơ sở. Mặt khác, trong chừng mực mà tính chất tin cậy của dữ liệu nghiên cứu cho phép, người ta có thể nhận thấy rằng các quan hệ pháp lý cũng như các thể chế gắn liền với nó ở những cấp độ cao hơn (chính quyền xã...) hãy còn chưa thực sự tạo thành cái "không gian xã hội" quen thuộc của nông dân! Tình hình liệu sẽ trở thành vấn đề không nếu nhìn từ góc độ sự phát triển các quan hệ pháp lý hiện nay ở Việt Nam?

⁴ Trong các bản hương ước (lê làng), xu hướng giải quyết nội bộ các mâu thuẫn được ghi thành nguyên tắc của làng xã. Để minh họa, chúng tôi trích điều 73 trong bản hương ước của làng Quỳnh Đôi có từ thế kỷ 18: "Trong làng cốt lấy sự không kiện nhau là quý, phạm ai có sự gì uất ức phải trình làng để làng xét xử, không được đưa nhau đi kiện ở quan. Nếu làng xét xử không được rõ ràng công bằng thì mới đưa nhau đến quan xử, quan xử y như làng xử thì làng phạt lợn 1 con giá là 3 quan. Nếu không trình làng đi kiện ở quan, làng cũng phạt như vậy." (Xem: Trần Từ: *Cơ cấu làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội-1979).